

Bản án số: 94/2022/HNGĐ-ST  
Ngày: 20/12/2022  
V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN RANG - THÁP CHÀM,  
TỈNH NINH THUẬN**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Nga

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Trần Văn Bình

Ông Nguyễn Phương Nhân

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Trịnh Minh Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận tham gia phiên tòa:* Bà Lê Nguyễn Tường Vy - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 692/2022/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 9 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 91/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 02/12/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn C - sinh năm 1983.

Nơi cư trú: Khu phố 2, phường V, thành phố Phan Rang – Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị H - Sinh năm 1983.

Nơi cư trú: Khu phố 2, phường V, thành phố Phan Rang – Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

(Ông C, bà H có đơn xin xét xử vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 07/9/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Nguyễn Văn C trình bày:*

Ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân phường V, TP. Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 73 ngày 05 tháng 6 năm 2009. Sau khi kết hôn vợ chồng ông C sống tại khu phố 2, phường V, thành phố Phan Rang – Tháp Chàm, tỉnh

Ninh Thuận. Hai vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bà H thường xuyên bỏ bê gia đình, tụ tập ăn nhậu, đi sớm về khuya, không quan tâm chăm sóc con cái. Ông đã khuyên nhủ nhiều lần nhưng bà H vẫn chứng nào tật ấy. Ông và bà đã không sống cùng nhau khoảng hơn 03 tháng nay. Vợ chồng ông bà mạnh ai nấy sống, không quan tâm, chăm sóc gì đến nhau và cũng không có ý định hàn gắn mối quan hệ vợ chồng. Nay, ông xác định đã hết tình cảm với bà H nên mong muốn được ly hôn.

*Về con chung:* Vợ chồng ông bà có 04 con chung tên Nguyễn Thị Bảo T, sinh ngày 04/11/2006; Nguyễn Thị Thu T1, sinh ngày 17/12/2008; Nguyễn Anh Q, sinh ngày 08/12/2011, Nguyễn Thùy Bảo T2, sinh ngày 21/6/2014. Ông C yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 04 con chung. Ông C không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con.

*Tài sản chung và nợ chung:* Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại bản tự khai bị đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:*

Bà và ông Nguyễn Văn C chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường V, thành phố Phan Rang – Tháp Chàm, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 73 ngày 05/6/2009. Sau khi kết hôn thì vợ chồng sống chung tại khu phố 2, phường V, thành phố Phan Rang – Tháp Chàm. Thời gian đầu vợ chồng vẫn sống hạnh phúc. Tuy nhiên, thời gian sau này do tính tình không phù hợp nên thường xuyên cãi vã, xích mích. Cả hai đã nhiều lần nói chuyện nhưng không mang lại kết quả. Bà và ông C hiện tại không còn chung sống với nhau. Nay ông C yêu cầu được thì ly hôn thì bà đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng ông bà có 04 con chung tên Nguyễn Thị Bảo T, sinh ngày 04/11/2006; Nguyễn Thị Thu T1, sinh ngày 17/12/2008; Nguyễn Anh Q, sinh ngày 08/12/2011, Nguyễn Thùy Bảo T2, sinh ngày 21/6/2014. Ông C yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 04 con chung thì bà cũng đồng ý. Ông C không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con nên bà không cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do công việc của bà rất bận nên đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

***Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát:*** Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, việc thu thập chứng cứ, lấy lời khai của đương sự, việc cấp, tổng đạt các giấy tờ cho Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định về phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

- Về quan điểm giải quyết nội dung vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, trình bày của đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn C khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, nuôi con với bị đơn bà Nguyễn Thị H. Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn ở phường Văn Hải, TP. Phan Rang - Tháp Chàm nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân TP. Phan Rang - Tháp Chàm theo khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Đối với việc vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn: Ngày 20/12/2022, nguyên đơn ông Nguyễn Văn C có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm mở phiên tòa sơ thẩm, Tòa án nhân dân TP. Phan Rang - Tháp Chàm đã thông báo, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn là bà Nguyễn Thị H nhưng bà H chỉ có bản tự khai và đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, cùng với tài liệu, chứng cứ đã được thu thập trong hồ sơ vụ án để làm cơ sở giải quyết và xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định của pháp luật.

## [2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về tình trạng hôn nhân: Xét cuộc hôn nhân giữa ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân phường V, TP. Phan Rang – Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 73 ngày 05 tháng 6 năm 2009, nên đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, hai người bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi vã, xích mích. Vợ chồng không C sống từ hơn 03 tháng nay, không còn đi lại, quan tâm chăm sóc nhau. Tại đơn xin xét xử vắng mặt, ông Nguyễn Văn C giữ yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn.

Xét thấy, theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình “Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình”. Tuy nhiên, từ nhiều năm nay, vợ chồng ông C, bà H phát sinh nhiều mâu thuẫn, không C sống với nhau nguyên nhân vì bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, xích mích, ông C, bà H hiện không còn chung sống, mạnh ai nấy sống, không quan tâm, chăm sóc gì đến nhau và cũng không có ý định hàn gắn. Mâu thuẫn và tình trạng hôn nhân của ông C, bà H được cả nguyên đơn, bị đơn thừa nhận. Bà H biết việc ông C khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, bà H mặc dù đồng ý ly hôn nhưng không tham gia hòa giải và đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Vì vậy, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xét thấy hôn nhân giữa ông C, bà H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông C.

[2.2] Về con chung: Xét về yêu cầu nuôi con chung của ông Nguyễn Văn C, Hội đồng xét xử xét thấy: Từ thời điểm vợ chồng không sống chung (tháng 8 năm 2022) đến nay ông C là người nuôi các cháu Nguyễn Thị Bảo T, Nguyễn Thị Thu T1, Nguyễn Anh Q, Nguyễn Thùy Bảo T2, các cháu hiện nay có cuộc sống ổn định và phát triển bình thường. Mặt khác, nguyện vọng của cháu T, T1, Q, T2 muốn tiếp tục ở với ba; Xét thấy yêu cầu của ông Nguyễn Văn C về nuôi con chung là phù hợp

nên Hội đồng xét xử giao cháu Nguyễn Thị Bảo T, Nguyễn Thị Thu T1, Nguyễn Anh Q, Nguyễn Thùy Bảo T2 cho ông Nguyễn Văn C tiếp tục nuôi dưỡng.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Nguyễn Văn C không yêu cầu bà Nguyễn Thị H cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát thành phố Phan Rang-Tháp Chàm tại phiên tòa hôm nay là có căn cứ và đúng pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Ông Nguyễn Văn C phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, ông Nguyễn Văn C thuộc diện hộ nghèo và có đơn đề nghị miễn án phí. Căn cứ theo quy định tại Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Hội đồng xét xử quyết định miễn án phí dân sự sơ thẩm đối với ông Nguyễn Văn C. Bà Nguyễn Thị H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ông Nguyễn Văn C được ly hôn với bà Nguyễn Thị H.

2. Về con chung: Giao cho ông Nguyễn Văn C được quyền trực tiếp nuôi dưỡng 04 con chung tên Nguyễn Thị Bảo T, sinh ngày 04/11/2006; Nguyễn Thị Thu T1, sinh ngày 17/12/2008; Nguyễn Anh Q, sinh ngày 08/12/2011, Nguyễn Thùy Bảo T2, sinh ngày 21/6/2014. Bà Nguyễn Thị H không phải cấp dưỡng nuôi con do ông Nguyễn Văn C không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Ông Nguyễn Văn C được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận Thi hành án, quyền yêu cầu Thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo quy định các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt, quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ./.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh;
- VKSND TP. PR-TC;
- Chi cục THADS TP. PR-TC;
- UBND phường V(năm 2009);
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Nga**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Phương Nhân Trần Văn Bình**

**Nguyễn Thị Nga**







